

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

NỘI DUNG	MỤC LỤC	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP		4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH		10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Khôi	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 02/11/2019
Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02/11/2019
Ông Bùi Quang Đạo	Phó chủ tịch	
Ông Phạm Văn Toàn	Thành viên	
Ông Thẩm Hồng Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/11/2019
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/11/2019

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Đỗ Vũ Linh (Bổ nhiệm ngày 01/05/2019)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Số: 32/2020/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2020, từ trang 6 đến trang 33 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 31.4 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2019 đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 29.549.041.294 đồng và tại ngày 31/12/2019, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 2.105.861.745 đồng, điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày theo giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi đơn vị nghiệp khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần tại ngày 19/02/2019.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.795.790.194	27.854.726.999
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.304.368.505	2.755.831.149
Tiền	111		1.304.368.505	2.755.831.149
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.823.789.178	23.865.330.114
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	17.350.980.986	21.731.875.508
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.000.000	2.840.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.776.191.500	2.487.997.914
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(347.383.308)	(357.383.308)
Hàng tồn kho	140	8	42.404.721	387.116.140
Hàng tồn kho	141		42.404.721	387.116.140
Tài sản ngắn hạn khác	150		625.227.790	846.449.596
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	625.227.790	829.711.377
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	16.738.219
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.785.926.153	34.489.648.993
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.200.000.000	1.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.200.000.000	1.200.000.000
Tài sản cố định	220		2.204.300.566	2.139.991.015
Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.204.300.566	2.139.991.015
- Nguyên giá	222		18.646.028.314	17.694.975.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.441.727.748)	(15.554.984.208)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		71.580.000	71.580.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.580.000)	(71.580.000)
Bất động sản đầu tư	230	12	30.229.926.269	31.005.052.584
- Nguyên giá	231		36.430.936.788	36.430.936.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.201.010.519)	(5.425.884.204)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		473.212.674.000	473.212.674.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(473.212.674.000)	(473.212.674.000)
Tài sản dài hạn khác	260		151.699.318	144.605.394
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	151.699.318	144.605.394
TỔNG TÀI SẢN	270		55.581.716.347	62.344.375.992

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		85.130.757.641	90.918.859.372
Nợ ngắn hạn	310		23.901.651.939	27.600.548.230
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	21.808.061.153	24.844.567.787
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	131.955.190
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	71.678.651	75.042.915
Phải trả người lao động	314		687.284.113	499.438.585
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	91.035.104	152.873.364
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.241.871.626	1.505.949.097
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	389.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.292	1.721.292
Nợ dài hạn	330		61.229.105.702	63.318.311.142
Chi phí phải trả dài hạn	333	16	16.452.103.282	16.880.359.942
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	44.777.002.420	46.437.951.200
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(29.549.041.294)	(28.574.483.380)
Vốn chủ sở hữu	410	19	(29.549.041.294)	(28.574.483.380)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		365.050.000.000	365.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		365.050.000.000	365.050.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.500.000.000	11.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		163.000.000	163.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(408.602.777.390)	(407.628.219.476)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(407.628.219.476)	(408.454.802.791)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(974.557.914)	826.583.315
TỔNG NGUỒN VỐN	440		55.581.716.347	62.344.375.992



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Quảng Ninh, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	59.102.762.229	88.405.372.065
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59.102.762.229	88.405.372.065
Giá vốn hàng bán	11	21	54.635.242.410	81.512.791.208
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.467.519.819	6.892.580.857
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	196.897.663	178.248.063
Chi phí tài chính	22	23	84.705.209	57.831.681
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		71.010.652	12.483.793
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	5.742.626.741	7.137.179.134
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.162.914.468)	(124.181.895)
Thu nhập khác	31	25	386.578.403	1.928.822.256
Chi phí khác	32	26	21.057.357	800.892.554
Lợi nhuận khác	40		365.521.046	1.127.929.702
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(797.393.422)	1.003.747.807
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	177.164.492	177.164.492
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(974.557.914)	826.583.315
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(27)	23



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(797.393.422)	1.003.747.807
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.661.869.855	1.537.250.557
Các khoản dự phòng	03		(10.000.000)	408.007.921
(Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(97.854)	27.639.688
Lãi hoạt động đầu tư	05		(3.826.662)	(4.491.763)
Chi phí lãi vay	06		71.010.652	12.483.793
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		921.562.569	2.984.638.003
Tăng/ (Giảm) các khoản phải thu	09		4.068.164.310	(4.472.543.846)
Tăng hàng tồn kho	10		344.711.419	618.306.673
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.787.881.231)	1.599.547.852
Tăng/ (Giảm) chi phí trả trước	12		197.389.663	(210.863.434)
Tiền lãi vay đã trả	14		(71.010.652)	(12.483.793)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(177.164.492)	(177.164.492)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(504.228.414)	329.436.963
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(951.053.091)	(119.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.826.662	4.491.763
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(947.226.429)	(114.508.237)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		3.202.294.025	1.199.101.156
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.202.294.025)	(1.199.101.156)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.451.454.843)	214.928.726
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	2.755.831.149	2.540.352.575
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.801)	549.848
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.304.368.505	2.755.831.149



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 5700688013 do Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/11/2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 08 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 4 ngày 25/08/2017, Vốn điều lệ của Công ty là: 365.050.000.000 VNĐ (Ba trăm sáu mươi lăm tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng) được chia thành 36.505.000 cổ phần với mệnh giá trên 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 44 người.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Hoạt động được thực hiện vận chuyển từ khách hàng đến cảng và thời gian thực hiện các hợp đồng ngắn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2. GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2019 là 408.602.777.390 đồng, đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 29.549.041.294 đồng. Tại ngày 31/12/2019, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 2.105.861.745 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

2.3. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết ngày 31/12/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2. CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3.3. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4. NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản, ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: Các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
	(năm)
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	04

3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là: Phần mềm máy tính (bao gồm phần mềm kế toán và phần mềm Win server) .

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Phần mềm kế toán	02 - 03

3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Trong thời gian nắm giữ, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định tương tự của Công ty trong vòng 47 năm.

3.11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết, liên doanh và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng..

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Cổ tức, lợi nhuận được chia ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	170.041.192	259.365.625
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.134.327.313	2.496.465.524
	1.304.368.505	2.755.831.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	17.350.980.986	(347.383.308)	21.731.875.508	(357.383.308)
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	6.481.750.000	-	11.798.000.000	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	4.156.554.600	-	4.140.813.600	-
- Công ty TNHH MTV Năng lượng An Việt Phát	2.113.529.040	-	747.372.415	-
- Công ty TNHH Hào Hưng Long An	1.301.263.370	-	877.274.520	-
- Các đối tượng khác	3.297.883.976	(347.383.308)	4.168.414.973	(357.383.308)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
	17.350.980.986	(347.383.308)	21.731.875.508	(357.383.308)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4.156.554.600	-	4.648.133.600	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	-	-	507.320.000	-
- Công ty TNHH cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	4.156.554.600	-	4.140.813.600	-

6. NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất dăm gỗ TMT	Trên 3 năm	170.810.966	(170.810.966)	Trên 3 năm	180.810.966	(180.810.966)
- Công ty TNHH Hoàng Lâm Hạ Long	Trên 3 năm	100.408.525	(100.408.525)	Trên 3 năm	100.408.525	(100.408.525)
- Công ty Cổ phần Luyện cán thép Sóc Sơn	Trên 3 năm	76.163.817	(76.163.817)	Trên 3 năm	76.163.817	(76.163.817)
		347.383.308	(347.383.308)		357.383.308	(357.383.308)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.776.191.500	-	2.487.997.914	-
- Tạm ứng cho nhân viên	1.037.504.500	-	1.243.759.500	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	128.110.400	-	282.045.400	-
- Phải thu khác	1.610.576.600	-	962.193.014	-
+ <i>Hyundai merchant marine Co., Ltd</i>	1.223.651.159	-	957.914.014	-
+ <i>Thuế GTGT chưa đủ điều kiện khấu trừ năm 2017, 2018</i>	381.434.389	-	-	-
+ <i>Các đối tượng khác</i>	5.491.052	-	4.279.000	-
Dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
	3.976.191.500	-	3.687.997.914	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.971.084	-	24.479.036	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.433.637	-	362.637.104	-
	42.404.721	-	387.116.140	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	625.227.790	829.711.377
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	412.490.809	490.062.220
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	212.736.981	339.649.157
Dài hạn	151.699.318	144.605.394
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	78.815.994	105.905.959
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	72.883.324	38.699.435
	776.927.108	974.316.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	TSCĐ HH khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	608.800.000	16.873.899.223	212.276.000	-	17.694.975.223
- Mua trong năm	-	297.309.091	-	653.744.000	951.053.091
31/12/2019	<u>608.800.000</u>	<u>17.171.208.314</u>	<u>212.276.000</u>	<u>653.744.000</u>	<u>18.646.028.314</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(196.812.671)	(15.145.895.537)	(212.276.000)	-	(15.554.984.208)
- Khấu hao trong năm	(59.292.754)	(724.644.264)	-	(102.806.522)	(886.743.540)
31/12/2019	<u>(256.105.425)</u>	<u>(15.870.539.801)</u>	<u>(212.276.000)</u>	<u>(102.806.522)</u>	<u>(16.441.727.748)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	<u>411.987.329</u>	<u>1.728.003.686</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.139.991.015</u>
31/12/2019	<u>352.694.575</u>	<u>1.300.668.513</u>	<u>-</u>	<u>550.937.478</u>	<u>2.204.300.566</u>

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là: 10.667.725.636 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 71.580.000 đồng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	36.430.936.788	-	-	36.430.936.788
- Quyền sử dụng đất	33.623.389.808	-	-	33.623.389.808
- Cơ sở hạ tầng trên đất	2.807.546.980	-	-	2.807.546.980
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(5.425.884.204)	(775.126.315)	-	(6.201.010.519)
- Quyền sử dụng đất	(5.007.738.910)	(715.391.273)	-	(5.723.130.183)
- Cơ sở hạ tầng trên đất	(418.145.294)	(59.735.042)	-	(477.880.336)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	31.005.052.584	-	-	30.229.926.269
- Quyền sử dụng đất	28.615.650.898	-	-	27.900.259.625
- Cơ sở hạ tầng trên đất	2.389.401.686	-	-	2.329.666.644

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	473.212.674.000	(473.212.674.000)	473.212.674.000	(473.212.674.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT)	473.212.674.000	(473.212.674.000)	473.212.674.000	(473.212.674.000)

Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) có địa chỉ tại số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh với hoạt động kinh doanh chính là hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) theo Hợp đồng liên doanh ngày 06/11/2007. Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế là 51%. Số vốn đã góp tương ứng với 25.490.000 USD, tỷ lệ sở hữu theo đồng tiền ghi sổ VND là 50,08%.

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) đến 31/12/2019 số tiền: 473.212.674.000 đồng. Cơ sở trích lập dự phòng là số lỗ lũy kế trên BCTC của CICT đã vượt quá vốn chủ sở hữu, theo đó Công ty đã trích lập 100% số vốn đầu tư vào CICT đến thời điểm 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	21.808.061.153	21.808.061.153	24.844.567.787	24.844.567.787
- Ban Quản lý dự án Hàng Hải 2	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	3.820.439.600	3.820.439.600	4.091.054.000	4.091.054.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Du lịch và Thương mại Thâm Gia	2.969.871.493	2.969.871.493	1.754.852.400	1.754.852.400
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	2.271.370.013	2.271.370.013	4.199.917.199	4.199.917.199
- Các đối tượng khác	6.081.047.047	6.081.047.047	8.133.411.188	8.133.411.188
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	21.808.061.153	21.808.061.153	24.844.567.787	24.844.567.787
Phải trả người bán là các bên liên quan	6.910.897.213	6.910.897.213	8.695.621.299	8.695.621.299
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	3.820.439.600	3.820.439.600	4.091.054.000	4.091.054.000
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	2.271.370.013	2.271.370.013	4.199.917.199	4.199.917.199
- Công ty TNHH cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	819.087.600	819.087.600	404.650.100	404.650.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	623.857.868	609.216.105	14.641.763
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.291.123	177.164.492	177.164.492	44.291.123
- Thuế thu nhập cá nhân	30.751.792	86.302.428	104.308.455	12.745.765
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	75.133.338	75.133.338	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	27.224.219	27.224.219	-
	75.042.915	992.682.345	996.046.609	71.678.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	91.035.104	152.873.364
- Chi phí trích trước tạm tính chi phí	91.035.104	152.873.364
Dài hạn	16.452.103.282	16.880.359.942
- Thuế nhà đất phải trả (*)	16.452.103.282	16.880.359.942
	16.543.138.386	17.033.233.306

(*) Tiền sử dụng đất các bên số 2, 3, 4 của Cảng Cái Lân, Quảng Ninh; với tổng diện tích đất được giao là 157.345,5 m² tại Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 25/12/2007; thời gian sử dụng từ năm 2008 đến tháng 5/2058. Công ty đã thực hiện tham gia góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) bằng quyền sử dụng đất này. Số tiền thuế đất phải trả một năm là 428.256.660 đồng.

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.241.871.626	1.505.949.097
- Kinh phí công đoàn	46.714.658	67.697.099
- Nhận ký cược ký quỹ	-	10.982.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.195.156.968	1.427.269.598
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hàng Hải Đại Dương	385.953.176	302.277.582
+ Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	619.407.084	983.704.979
+ Cổ tức phải trả cổ đông	139.625.000	139.625.000
+ Khoản phải trả phải nộp khác	50.171.708	1.662.037
Dài hạn	-	-
	1.241.871.626	1.505.949.097

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	44.777.002.420	46.437.951.200
- Cho thuê mặt bằng 2,3 ha	44.777.002.420	46.437.951.200
	44.777.002.420	46.437.951.200

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(408.454.802.791)	(29.401.066.695)
- Lãi trong năm	-	-	-	-	826.583.315	826.583.315
31/12/2018	<u>365.050.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>2.340.736.096</u>	<u>163.000.000</u>	<u>(407.628.219.476)</u>	<u>(28.574.483.380)</u>
01/01/2019	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(407.628.219.476)	(28.574.483.380)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(974.557.914)	(974.557.914)
31/12/2019	<u>365.050.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>2.340.736.096</u>	<u>163.000.000</u>	<u>(408.602.777.390)</u>	<u>(29.549.041.294)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	206.550.000.000	206.550.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	29.709.990.000	29.709.990.000
Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	110.790.010.000	110.790.010.000
	365.050.000.000	365.050.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	365.050.000.000	365.050.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	365.050.000.000	365.050.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.505.000	36.505.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.441.813.449	86.744.423.285
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.660.948.780	1.660.948.780
	59.102.762.229	88.405.372.065
Doanh thu với các bên liên quan	4.734.692.490	19.659.454.501
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	636.990.000
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	4.731.840.000	13.330.560.000
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	2.852.490	2.132.209.717
- Công ty VOSA Quảng Ninh	-	1.565.870.784
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	-	1.993.824.000

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	53.860.116.095	80.737.664.893
Giá vốn kinh doanh bất động sản	775.126.315	775.126.315
	54.635.242.410	81.512.791.208

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.826.662	4.491.763
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	192.973.147	149.378.676
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	97.854	24.377.624
	196.897.663	178.248.063

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	71.010.652	12.483.793
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.694.557	45.347.888
	84.705.209	57.831.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.525.086	93.035.477
Chi phí nhân viên quản lý	3.435.317.789	4.414.681.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.797.838	55.730.452
Thuế, phí và lệ phí	15.469.000	15.900.000
Hoàn nhập dự phòng	(10.000.000)	19.007.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.114.866.102	1.474.527.147
Chi phí bằng tiền khác	1.081.650.926	1.064.296.219
	5.742.626.741	7.137.179.134

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chênh lệch hạch toán thuế đất phi nông nghiệp	362.869.212	362.869.212
Thường tiến độ Hợp đồng	-	1.552.467.325
Thu nhập đền bù tai nạn	5.800.000	-
Các khoản khác	17.909.191	13.485.719
	386.578.403	1.928.822.256

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Phạt bồi thường, vi phạm hợp đồng	-	700.624.290
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	20.824.219	68.442.939
Các khoản chi phí khác	233.138	31.825.325
	21.057.357	800.892.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
<i>Tổng lợi nhuận kế toán của hoạt động kinh doanh chính</i>	(1.683.215.887)	117.925.342
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	232.146.957	316.204.368
+ Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không tham gia điều hành Công ty	211.200.000	211.200.000
+ Phạt chậm nộp thuế	20.824.311	68.442.939
+ Chi phí khoản hỗ trợ không có hóa đơn, chứng từ	-	31.825.325
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	122.646	4.736.104
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN hoạt động kinh doanh chính	-	(434.129.710)
+ Lỗi tính thuế của các năm trước chuyển sang	-	(434.129.710)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(1.451.068.930)	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động kinh doanh chính	-	-
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
<i>Tổng lợi nhuận kế toán của hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	885.822.465	885.822.465
Thu nhập chịu thuế	885.822.465	885.822.465
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động kinh doanh bất động sản	177.164.492	177.164.492
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	177.164.492	177.164.492

28. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(974.557.914)	826.583.315
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	36.505.000	36.505.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(27)	23

29. (LỖ)/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.381.841.345	9.089.485.358
Chi phí nhân công	7.614.609.851	9.889.137.143
Khấu hao tài sản cố định	1.661.869.855	1.537.250.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.292.452.296	63.679.210.248
Chi phí bằng tiền khác	4.075.006.883	3.954.424.140
	60.025.780.230	88.149.507.446

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại + USD	396,35	37.929,55

31.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Công ty góp vốn
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty góp vốn liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Vosa Quảng Ninh	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Cùng Công ty mẹ

Thu nhập của ban Giám đốc, HĐQT, BKS

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương, thưởng	928.105.275	1.111.911.043

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua hàng từ các bên liên quan	6.958.030.073	31.733.677.766
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	744.625.091	1.851.219.385
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	6.105.404.982	16.472.201.283
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	-	13.301.952.000
- Công ty VOSA Quảng Ninh	108.000.000	108.305.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu với các bên liên quan	4.734.692.490	19.659.454.501
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	4.731.840.000	13.330.560.000
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	2.852.490	2.132.209.717
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	-	1.993.824.000
- Công ty VOSA Quảng Ninh	-	1.565.870.784
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	636.990.000

31.3 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THU TRONG NĂM

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.202.294.025	1.199.101.156
Cộng	3.202.294.025	1.199.101.156

SỐ TIỀN THỰC TRẢ GỐC VAY TRONG NĂM

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả gốc vay theo kế ước thông thường	3.202.294.025	1.199.101.156
Cộng	3.202.294.025	1.199.101.156

31.4 TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tính đến 31/12/2019, Công ty lỗ lũy kế 408.602.777.390 đồng, nguồn vốn chủ sở hữu âm 29.549.041.294 đồng và nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 2.105.861.745 đồng. Tuy nhiên, lỗ lũy kế xuất phát từ sự thận trọng của Ban Tổng Giám đốc khi trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT). Ngoài khoản dự phòng đầu tư tài chính trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường và được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết tại Đại hội cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.5 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Cung cấp dịch vụ logistics;
- Lĩnh vực : Cho thuê bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ logistics	Cho thuê bất động sản	Cộng
	VND	VND	VND
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	57.441.813.449	1.660.948.780	59.102.762.229
Giá vốn	53.860.116.095	775.126.315	54.635.242.410
Doanh thu hoạt động tài chính	196.897.663	-	196.897.663
Chi phí tài chính	84.705.209	-	84.705.209
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.742.626.741	-	5.742.626.741
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.048.736.933)	885.822.465	(1.162.914.468)
Thu nhập khác	386.578.403	-	386.578.403
Chi phí khác	21.057.357	-	21.057.357
Lợi nhuận khác	365.521.046	-	365.521.046
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.683.215.887)	885.822.465	(797.393.422)

31.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng

Vũ Thị An
Người lập